

Số: 36/QĐ-ĐTĐL

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình lựa chọn đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 153/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 27/2009/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Bộ Công Thương Quy định Đo đếm điện năng trong thị trường phát điện cạnh tranh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thị trường điện lực,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình lựa chọn đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm hướng dẫn thực hiện Thông tư số 27/2009/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Bộ Công Thương Quy định đo đếm điện năng trong thị trường phát điện cạnh tranh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, các Trưởng phòng thuộc Cục Điều tiết điện lực, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Giám đốc đơn vị điện lực và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Hoàng Quốc Vượng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, TTĐL, PC.

CỤC TRƯỞNG



Đặng Huy Cường

QUY TRÌNH

Lựa chọn Đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐTĐL ngày 26 tháng 4 năm 2011
của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm và trách nhiệm của các đơn vị trong lựa chọn Đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm trong Thị trường phát điện cạnh tranh Việt Nam (VCGM).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.
3. Đơn vị tham gia đấu thầu kiểm toán số liệu đo đếm.
4. Đơn vị quản lý số liệu đo đếm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy trình này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm (Đơn vị kiểm toán SLĐĐ)* là đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ kiểm toán quá trình thu thập và xử lý số liệu đo đếm của Đơn vị quản lý số liệu đo đếm.

2. *Đơn vị quản lý số liệu đo đếm (Đơn vị quản lý SLĐĐ)* là đơn vị cung cấp, lắp đặt, quản lý vận hành hệ thống thu thập, xử lý, lưu trữ số liệu đo đếm điện năng phục vụ Thị trường VCGM.

3. *Đơn vị tham gia đấu thầu kiểm toán số liệu đo đếm* là đơn vị nộp hồ sơ dự thầu trong việc đấu thầu lựa chọn đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm.

4. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện (Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ) là đơn vị chỉ huy, điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia; quản lý, điều phối các giao dịch mua bán điện và dịch vụ phụ trợ trên VCGM.

5. Năm *N* là năm hiện tại, được tính theo năm dương lịch.

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ;
- b) Cử cán bộ tham gia Tổ xét thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm:

- a) Chủ trì tổ chức đầu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ;
- b) Cử cán bộ tham gia Tổ xét thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ;
- c) Lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam xem xét để trình Cục Điều tiết điện lực phê duyệt;
- d) Ký hợp đồng với Đơn vị kiểm toán SLĐĐ trong trường hợp kiểm toán bất thường.

3. Đơn vị tham gia đấu thầu kiểm toán số liệu đo đếm có trách nhiệm tuân thủ Luật Đấu thầu, các văn bản pháp luật có liên quan và việc lựa chọn nhà thầu theo Quy trình này.

4. Đơn vị quản lý số liệu đo đếm có trách nhiệm:

- a) Phối hợp với Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ trong việc xây dựng hồ sơ mời thầu;
- b) Cử cán bộ tham gia Tổ xét thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ;
- c) Thương thảo, hoàn thiện và ký hợp đồng với Đơn vị kiểm toán SLĐĐ trong trường hợp kiểm toán định kỳ.

Chương II

NGUYÊN TẮC ĐẤU THẦU VÀ TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM

Điều 5. Nguyên tắc đấu thầu lựa chọn đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm

1. Việc đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ phải tuân thủ quy định tại Luật Đấu thầu của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số

61/2005/QH11 ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc đấu thầu lựa chọn đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

a) Hình thức đấu thầu: đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu dịch vụ tư vấn;

b) Hình thức lựa chọn nhà thầu: áp dụng quy trình đấu thầu đối với nhà thầu là tổ chức;

c) Phương thức đấu thầu: một giai đoạn, hai túi hồ sơ;

d) Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu: Sử dụng phương pháp chấm điểm tổng hợp để xếp hạng hồ sơ dự thầu, trong đó điểm kỹ thuật chiếm tỷ trọng 70% và điểm tài chính chiếm tỷ trọng 30% trên tổng điểm.

Điều 6. Tư cách hợp lệ của nhà thầu tham gia dự thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, được cấp theo quy định của pháp luật trong trường hợp là nhà thầu trong nước; có đăng ký hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu mang quốc tịch cấp trong trường hợp là nhà thầu nước ngoài.

2. Hạch toán kinh tế độc lập.

3. Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả; đang trong quá trình giải thể.

Điều 7. Tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị trúng thầu

Đơn vị tham gia đấu thầu kiểm toán số liệu đo đếm được xem xét lựa chọn trúng thầu kiểm toán số liệu đo đếm khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có hồ sơ dự thầu hợp lệ.

2. Có tổng điểm kỹ thuật bao gồm điểm năng lực, kinh nghiệm, giải pháp và nhân sự trên 70 điểm (mức thang điểm 100) và tất cả các hạng mục đều trên mức điểm yêu cầu tối thiểu.

3. Có điểm tổng hợp về mặt kỹ thuật và tài chính cao nhất.

4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

Chương III

TRÌNH TỰ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM

Điều 8. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm cho năm N+1

Hàng năm, Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm xây dựng, bổ sung, sửa đổi Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Quy trình này, cập nhật vào kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu của năm tiếp theo (năm N+1).

Điều 9. Xây dựng chi phí kiểm toán số liệu đo đếm cho năm N+1

Hàng năm, Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ lập kế hoạch chi phí dành cho kiểm toán số liệu đo đếm, cập nhật vào kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu của năm tiếp theo (năm N+1), bao gồm:

1. Chi phí cho công tác tổ chức đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ, bao gồm chi phí cho hoạt động của Tổ xét thầu, chi phí thẩm định, các chi phí khác liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ tài liệu đấu thầu.

2. Chi phí trả cho Đơn vị kiểm toán SLĐĐ để thực hiện các hạng mục công việc kiểm toán định kỳ trong năm N+1 và được coi là giá gói thầu kiểm toán số liệu đo đếm.

3. Các chi phí hợp lý khác có liên quan.

Điều 10. Xây dựng và trình duyệt kế hoạch đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm

1. Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm lập kế hoạch đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ cho năm N+1. Trong kế hoạch đấu thầu phải nêu rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Nội dung của từng gói thầu bao gồm:

- a) Tên gói thầu;
- b) Giá gói thầu;
- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức lựa chọn nhà thầu; phương thức đấu thầu;
- đ) Thời gian tổ chức đấu thầu;
- e) Hình thức hợp đồng;
- g) Thời gian thực hiện hợp đồng;

2. Trước ngày 01 tháng 6 năm N, Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam thẩm định kế hoạch đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ cho năm N+1. Trước ngày 15 tháng 6 năm N, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thẩm định kế hoạch đấu thầu và trình Cục Điều tiết điện lực phê duyệt. Trước ngày 30 tháng 6 năm N, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ cho năm N+1.

Điều 11. Thông báo mời thầu và lập hồ sơ mời thầu

Căn cứ trên kế hoạch đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ được duyệt, Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm:

1. Thông báo kịp thời các thông tin về đấu thầu (Kế hoạch đấu thầu và Thông báo mời thầu) trên báo, trang thông tin điện tử về đấu thầu và phương tiện thông tin đại chúng để đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức có quan tâm tham gia.

2. Lập hồ sơ mời thầu theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Quy trình này, trình Tập đoàn điện lực Việt Nam thẩm định và trình Cục Điều tiết điện lực phê duyệt để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đấu thầu.

Điều 12. Lập Tổ xét thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán số liệu đo đếm

Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm thành lập Tổ xét thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ với thành phần như sau:

1. Ba (03) thành viên thuộc Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ trong đó có ít nhất một (01) lãnh đạo đơn vị đảm nhiệm vai trò Tổ trưởng Tổ xét thầu.

2. Một (01) thành viên từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Một (01) thành viên từ Đơn vị quản lý SLĐĐ.

Điều 13. Tổ chức đấu thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, đàm phán hợp đồng và trình duyệt, thẩm định kết quả đấu thầu

1. Tổ chức đấu thầu

Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm tổ chức đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đánh giá kỹ thuật

Tổ xét thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán SLĐĐ có trách nhiệm đánh giá hồ sơ dự thầu theo tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định tại mục 1 Phụ lục 2 của Quy

trình này. Sau khi lựa chọn được đơn vị đạt yêu cầu về kỹ thuật, Tổ xét thầu chuyển kết quả cho Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ phê duyệt, đồng thời Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ phải báo cáo Cục Điều tiết điện lực về danh sách các nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

3. Đánh giá tổng hợp

Sau khi lựa chọn được nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật, Tổ xét thầu có trách nhiệm đánh giá về mặt tài chính và đánh giá tổng hợp hồ sơ dự thầu theo phương pháp và tiêu chuẩn quy định tại mục 2, mục 3 của Phụ lục 2 và Điều 7 Quy trình này. Sau khi đã chọn được đơn vị có số điểm tổng hợp cao nhất, Tổ xét thầu chuyển kết quả cho Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ thực hiện các bước tiếp theo.

4. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt và thông báo kết quả đấu thầu

Trước ngày 01 tháng 10 năm N, Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán số liệu đo đếm cho năm N+1, đồng thời lập báo cáo về kết quả đấu thầu trình Tập đoàn điện lực Việt Nam thẩm định. Trước ngày 15 tháng 10 năm N, Tập đoàn điện lực Việt Nam lập báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu trình Cục Điều tiết điện lực phê duyệt. Trước ngày 01 tháng 11 năm N, Cục Điều tiết điện lực phê duyệt kết quả đấu thầu.

5. Đàm phán và ký kết hợp đồng

Căn cứ trên kết quả đấu thầu đã được duyệt, Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm thông báo kết quả cho các đơn vị tham gia đấu thầu và yêu cầu Đơn vị quản lý SLĐĐ tiến hành thương thảo hợp đồng. Đơn vị quản lý SLĐĐ và đơn vị trúng thầu có trách nhiệm đàm phán và ký kết hợp đồng.

6. Trường hợp việc đàm phán hợp đồng không thành công thì Đơn vị quản lý SLĐĐ có trách nhiệm báo cáo Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ để xem xét, lựa chọn Đơn vị tham gia đấu thầu kiểm toán số liệu đo đếm xếp hạng tiếp theo để đàm phán, ký kết hợp đồng theo đúng quy định của Luật Đấu thầu.

7. Đối với trường hợp kiểm toán bất thường, Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ có trách nhiệm đàm phán và ký kết hợp đồng với đơn vị trúng thầu kiểm toán số liệu định kỳ để thực hiện các hạng mục cần kiểm toán bất thường.

Điều 14. Quy định đối với một số trường hợp đặc biệt

Trong trường hợp bất thường dẫn tới việc huỷ đấu thầu, thay đổi phạm vi dự án, không đàm phán được hoặc không lựa chọn được Đơn vị kiểm toán

SLDD, Đơn vị vận hành HTĐ-TTĐ phải kịp thời báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý lên Tập đoàn điện lực Việt Nam và trình Cục Điều tiết điện lực để xem xét, quyết định theo quy định của Luật Đấu thầu./.

CỤC TRƯỞNG



Đặng Huy Cường

Phụ lục 1
MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN SỐ LIỆU
ĐO ĐẾM TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM
(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐTĐL ngày 26 tháng 4 năm 2011 của
Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)

HỒ SƠ MỜI THẦU

GÓI THẦU: LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN SỐ LIỆU
ĐO ĐẾM TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM

DỰ ÁN: KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM TRONG THỊ
TRƯỜNG ĐIỆN VCGM

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM ĐIỀU ĐỘ HỆ THỐNG ĐIỆN
QUỐC GIA

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của bên mời
thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Từ ngữ viết tắt:

Phần thứ nhất. Chỉ dẫn đối với nhà thầu

Chương I. Yêu cầu về thủ tục đấu thầu

- A. Tổng quát
- B. Chuẩn bị hồ sơ dự thầu
- C. Nộp hồ sơ dự thầu
- D. Mở thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu
- E. Trúng thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá

Phần thứ hai. Đề xuất kỹ thuật

- Đơn dự thầu (Hồ sơ đề xuất kỹ thuật)
- Giấy ủy quyền
- Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu
- Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu
- Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ
- Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện dịch vụ
- Lý lịch chuyên gia
- Lịch công tác cho từng vị trí chuyên gia

Phần thứ ba. Đề xuất tài chính

- Đơn dự thầu (Hồ sơ đề xuất tài chính)
- Tổng hợp chi phí
- Thù lao
- Chi phí khác

Phần thứ tư: Điều khoản tham chiếu

Phần thứ năm: Yêu cầu về hợp đồng

Chương IV. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương V. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VI. Hợp đồng

- Hợp đồng dịch vụ
- Bảo lãnh tiền tạm ứng

Phụ lục 2
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU LỰA CHỌN ĐƠN VỊ
KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO Đếm TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM
(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐTĐL ngày 26 tháng 4 năm 2011 của
Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật đối với từng HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm (100 điểm là tối đa). Các tiêu chuẩn cụ thể được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện bổ sung, sửa đổi từng năm cho phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm của nhà thầu	10	
	<i>a. Đã thực hiện gói thầu tương tự (về tính chất, quy mô, giá trị ...)</i>		
	<i>b. Đã thực hiện gói thầu tại Việt Nam</i>		
	<i>c. Các yếu tố khác</i>		
2	Giải pháp và phương pháp luận	40	
	<i>a. Hiểu rõ mục đích gói thầu</i>		
	<i>b. Cách tiếp cận và phương pháp luận</i>		
	<i>c. Cách trình bày</i>		
	<i>d. Kế hoạch triển khai</i>		
	<i>đ. Bố trí nhân sự</i>		
	<i>e. Các yếu tố khác</i>		
3	Nhân sự	50	
	<i>a. Trưởng bộ phận, chủ nhiệm (bằng cấp, kinh nghiệm...)</i>		
	<i>b. Chuyên gia các lĩnh vực (bằng cấp, kinh nghiệm...)</i>		
Tổng cộng (100%)			

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính

Sử dụng thang điểm 100 điểm. Điểm tài chính đối với từng hồ sơ dự thầu được xác định như sau:

$$\text{Điểm tài chính (của hồ sơ dự thầu đang xét)} = \frac{\text{P thấp nhất} \times (100)}{\text{P đang xét}}$$

Trong đó:

P thấp nhất: giá dự thầu thấp nhất sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch theo quy định trong số các nhà thầu đã vượt qua đánh giá về mặt kỹ thuật.

P đang xét: giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch của hồ sơ dự thầu đang xét.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp

Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật và về mặt tài chính, trong đó tỷ trọng điểm về mặt kỹ thuật bằng 70% tổng số điểm và tỷ trọng điểm về mặt tài chính bằng 30% tổng số điểm.

Điểm tổng hợp đối với một hồ sơ dự thầu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm tổng hợp} = Đ_{\text{kỹ thuật}} \times (K\%) + Đ_{\text{tài chính}} \times (G\%)$$

Trong đó:

+ K%: tỷ trọng điểm về mặt kỹ thuật (70%).

+ G%: tỷ trọng điểm về mặt tài chính (30%).

+ $Đ_{\text{kỹ thuật}}$: là số điểm của hồ sơ dự thầu được xác định tại bước đánh giá về mặt kỹ thuật.

+ $Đ_{\text{tài chính}}$: là số điểm của hồ sơ dự thầu được xác định tại bước đánh giá về mặt tài chính.

Phụ lục 3
MẪU HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM
TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM
(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐTĐL ngày 26 tháng 4 năm 2011 của
Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM

Thuộc dự án: KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 1 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;
- Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản đàm phán hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm _____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư TRUNG TÂM ĐIỀU ĐỘ HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền)

Nhà thầu

Tên nhà thầu _____ [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo các Phụ lục);
2. Biên bản đàm phán hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

- 1.
- 2.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- 1.
- 2.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____
2. Thời hạn và phương thức thanh toán _____

Điều 6. Bảng chấm công

Điều 7. Hình thức hợp đồng: Theo thời gian

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ .
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện nhà thầu

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Đại diện chủ đầu tư

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu

Phụ lục C: Dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu.

Phụ lục 2
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU LỰA CHỌN ĐƠN VỊ
KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO Đếm TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM
(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐTĐL ngày 26 tháng 4 năm 2011 của
Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật đối với từng HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm (100 điểm là tối đa). Các tiêu chuẩn cụ thể được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện bổ sung, sửa đổi từng năm cho phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm của nhà thầu	10	
	<i>a. Đã thực hiện gói thầu tương tự (về tính chất, quy mô, giá trị ...)</i>		
	<i>b. Đã thực hiện gói thầu tại Việt Nam</i>		
	<i>c. Các yếu tố khác</i>		
2	Giải pháp và phương pháp luận	40	
	<i>a. Hiểu rõ mục đích gói thầu</i>		
	<i>b. Cách tiếp cận và phương pháp luận</i>		
	<i>c. Cách trình bày</i>		
	<i>d. Kế hoạch triển khai</i>		
	<i>đ. Bố trí nhân sự</i>		
	<i>e. Các yếu tố khác</i>		
3	Nhân sự	50	
	<i>a. Trưởng bộ phận, chủ nhiệm (bằng cấp, kinh nghiệm...)</i>		
	<i>b. Chuyên gia các lĩnh vực (bằng cấp, kinh nghiệm...)</i>		
Tổng cộng (100%)			

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính

Sử dụng thang điểm 100 điểm. Điểm tài chính đối với từng hồ sơ dự thầu được xác định như sau:

$$\frac{\text{Điểm tài chính (của hồ sơ dự thầu đang xét)}}{100} = \frac{P \text{ thấp nhất} \times (100)}{P \text{ đang xét}}$$

Trong đó:

P thấp nhất: giá dự thầu thấp nhất sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch theo quy định trong số các nhà thầu đã vượt qua đánh giá về mặt kỹ thuật.

P đang xét: giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch của hồ sơ dự thầu đang xét.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp

Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật và về mặt tài chính, trong đó tỷ trọng điểm về mặt kỹ thuật bằng 70% tổng số điểm và tỷ trọng điểm về mặt tài chính bằng 30% tổng số điểm.

Điểm tổng hợp đối với một hồ sơ dự thầu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm tổng hợp} = Đ_{\text{kỹ thuật}} \times (K\%) + Đ_{\text{tài chính}} \times (G\%)$$

Trong đó:

+ K%: tỷ trọng điểm về mặt kỹ thuật (70%).

+ G%: tỷ trọng điểm về mặt tài chính (30%).

+ $Đ_{\text{kỹ thuật}}$: là số điểm của hồ sơ dự thầu được xác định tại bước đánh giá về mặt kỹ thuật.

+ $Đ_{\text{tài chính}}$: là số điểm của hồ sơ dự thầu được xác định tại bước đánh giá về mặt tài chính.

Phụ lục 3
MẪU HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM
TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM
(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐTĐL ngày 26 tháng 4 năm 2011 của
Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM

Thuộc dự án: KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VCGM

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 1 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;
- Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản đàm phán hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm _____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư TRUNG TÂM ĐIỀU ĐỘ HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền)

Nhà thầu

Tên nhà thầu _____ [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo các Phụ lục);
2. Biên bản đàm phán hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

- 1.
- 2.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- 1.
- 2.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____
2. Thời hạn và phương thức thanh toán _____

Điều 6. Bảng chấm công

Điều 7. Hình thức hợp đồng: Theo thời gian

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ .
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện chủ đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu

Phụ lục C: Dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu.